

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kết quả đánh giá hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường
biển và hải đảo năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BTNMT ngày 29/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết bộ chỉ số và việc đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam tại Tờ trình số 66/TTr-STNMT ngày 14/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kết quả đánh giá hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (theo tiêu chí và chỉ số đánh giá quy định tại Thông tư số 27/2016/TT-BTNMT ngày 29/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường) kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Tài nguyên và Môi trường đăng tải công khai Kết quả đánh giá hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam kèm theo Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông; Trưởng Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố: Hội An, Điện Bàn, Duy Xuyên, Thăng Bình, Tam Kỳ, Núi Thành và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TN&MT (b/c);
- Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, TH, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Trí Thanh

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT
Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO NĂM 2022
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số #sovb /QĐ-UBND ngày #nbh tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Nam)

I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (6 điểm)

1. Tiêu chí 1.1. Công tác ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (3 điểm)

a) Tiêu chí 1.1.1. Xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (1 điểm):

Việc xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo được lồng ghép trong Kế hoạch hành động về Quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 và Kế hoạch hành động quản lý tổng hợp vùng bờ tỉnh Quảng Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 16/02/2017 của UBND tỉnh. Đồng thời, kế hoạch, nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo trong năm 2022 đã được xây dựng lồng ghép trong chương trình công tác của Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2022 tại Quyết định số 74/QĐ-STNMT ngày 24/01/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Tiêu chí thành phần 1.1.2. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo theo kế hoạch, nhiệm vụ của năm (2 điểm):

kết quả thực hiện kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo của Sở Tài nguyên và Môi trường thể hiện tại Báo cáo số 750/BC-STNMT ngày 08/12/2022 về công tác quản lý môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2017-2022 và Báo cáo số 20/BC-STNMT ngày 10/01/2023 về tình hình quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo năm 2022.

2. Tiêu chí 1.2. Đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (3 điểm)

Tiêu chí thành phần 1.2.1. Tổ chức đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (2 điểm) và Tiêu chí thành phần 1.2.2. Giải pháp khắc phục tồn tại yếu kém (1 điểm):

Công tác đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo được thực hiện lồng ghép trong Báo cáo kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành năm 2022 và chương trình công tác năm 2023 tại Báo cáo số 689/BC-STNMT ngày 16/11/2022 và Báo cáo số 326/BC-STNMT

ngày 02/6/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII trên địa bàn tỉnh. Trong đó, đã nêu ra các hạn chế và nguyên nhân và đề ra giải pháp khắc phục thông qua việc xây dựng các nội dung nhiệm vụ trọng tâm năm 2023.

II. Rà soát, hệ thống văn hóa; theo dõi kiểm tra tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (8 điểm)

1. Tiêu chí 2.1. Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (2 điểm)

Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo được Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện rà soát trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước; trong đó có lĩnh vực biển và hải đảo theo Kế hoạch số 354/KH-STNMT ngày 18/02/2022. Kết quả rà soát, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Báo cáo số 714/BC-STNMT ngày 24/11/2022 về công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2022.

2. Tiêu chí 2.2. Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (3 điểm)

Theo Báo cáo số 714/BC-STNMT ngày 24/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường, sau khi rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật liên quan thì chưa phát hiện có văn bản trái pháp luật về thẩm quyền, nội dung.

3. Tiêu chí 2.3. Theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (3 điểm).

Công tác theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo đã được lồng ghép trong Kế hoạch triển khai công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022 tại Kế hoạch số 285/KH-STNMT ngày 14/02/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

III. Điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo; tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (10 điểm)

1. Tiêu chí 3.1. Điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo (6 điểm)

a) Tiêu chí thành phần 3.1.1. Xây dựng kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý (1 điểm):

Công tác điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, được lồng ghép trong nhiệm vụ “*Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông là nguồn nước nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam*”; được Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện từ năm 2021-2022 và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2961/QĐ-UBND ngày 02/11/2022. Trong đó,

tiến hành đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của 10 đoạn sông chính (Lai Nghi, Bà Rén, Ly Ly, sông Đàm, sông Đò, sông Hoài, sông Bàn Thạch và một phần sông Tam Kỳ..) với các thông số COD, BOD₅, NH₄⁺, NO₃, PO₄³⁻ theo các mục đích sử dụng của mỗi sông. Kết quả đánh giá cho thấy tất cả các đoạn sông đều cơ bản còn khả năng tiếp nhận nước thải đối với các thông số trên.

Việc điều tra, thống kê, phân loại các nguồn thải từ đất liền được Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các địa phương rà soát thực hiện thường xuyên. Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 1862/STNMT-N ngày 10/8/2022 đề nghị các địa phương tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường biển từ các hoạt động vùng bờ trên địa bàn quản lý.

b) Tiêu chí thành phần 3.1.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý (4 điểm) và Tiêu chí thành phần 3.1.3. Báo cáo kết quả điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo (1 điểm):

Sở Tài nguyên và Môi trường đã điều tra, thống kê và tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025 kèm theo Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 30/9/2022. Theo đó, phấn đấu đến năm 2025, hoàn thành cơ bản việc triển khai phân loại CTRSH tại nguồn trên địa bàn 18 huyện, thị xã, thành phố và 100% hộ dân, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh được trang bị kiến thức về phân loại CTRSH tại nguồn. Ngoài ra, dữ liệu về nguồn thải trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2017-2022, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp tại Báo cáo số 750/BC-STNMT ngày 08/12/2022 về công tác quản lý môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2017-2022.

2. Tiêu chí 3.2. Đánh giá tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (4 điểm)

a) Tiêu chí thành phần 3.2.1. Đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường biển và hải đảo do các hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý (3 điểm) và Tiêu chí thành phần 3.2.2. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (1 điểm):

Công tác đánh giá tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo được thực hiện thông qua công tác quan trắc môi trường hằng năm của các cơ quan quản lý nhà nước ở tỉnh và địa phương. Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện Quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh Quảng Nam năm 2022 theo Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025; theo đó, mạng lưới quan trắc nước biển ven bờ trên địa bàn tỉnh được thực hiện tại 06 huyện, thị xã, thành phố ven biển.

Công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo được các địa phương quan tâm thực hiện. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thăng Bình đã tổ chức quan trắc chất lượng nước biển ven bờ tại các xã Bình Dương, Bình Minh, Bình Hải và Bình Nam; kết quả quan trắc cho thấy chất lượng nước biển ven bờ còn tương đối tốt. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Núi

Thành đã tiến hành lấy 02 mẫu nước biển tại Tam Tiến và 02 mẫu trầm tích sông, cửa sông (01 mẫu trên sông Trường Giang, 01 mẫu tại khu vực cảng Tam Giang) với tần suất 02 lần/ năm; kết quả quan trắc trong năm 2022 cho thấy, hầu hết các thông số phân tích ở các điểm quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 08-MT:2015, cột B1 theo Báo cáo số 396/BC-UBND ngày 12/12/2022 của UBND huyện Núi Thành.

Thông qua kết quả quan trắc môi trường năm 2022, đánh giá được tình trạng môi trường biển, hải đảo và đề xuất, kiến nghị các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường biển và hải đảo tại Báo cáo số 750/BC-STNMT ngày 08/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về công tác quản lý môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2017-2022.

IV. Định kỳ quan trắc và đánh giá hiện trạng chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo (9 điểm)

1. Tiêu chí 4.1. Xây dựng chương trình định kỳ quan trắc chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo (1 điểm)

Chương trình quan trắc chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo được Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thông qua nhiệm vụ “Quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh Quảng Nam năm 2022” theo Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025. Theo đó, môi trường trầm tích được quan trắc với tần suất 1 lần/năm vào định kỳ tháng 11. Vị trí thu mẫu tại 6 điểm trên các hệ thống hạ lưu sông Thu Bồn (TTB), sông Vĩnh Điện (TVĐ), sông Vu Gia (TVG), hạ lưu sông Trà (TTR), khu vực cảng Kỳ Hà (TKH) và sông Bông Miêu (đoạn cách nhà máy chế biến vàng Bông Miêu khoảng 5km về phía hạ lưu – TBM).

Riêng huyện Núi Thành xây dựng chương trình quan trắc trầm tích, chất lượng nước và thực hiện lấy mẫu phân tích phục vụ báo cáo công tác bảo vệ môi trường tại Kế hoạch số 01/KH-TNMT ngày 05/01/2022.

2. Tiêu chí 4.2. Tổ chức định kỳ quan trắc chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo (2 điểm)

Căn cứ Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam năm 2022, đối với nước biển ven bờ, địa phương đã quan trắc tại 6 vị trí bãi tắm ven bờ thuộc các huyện, thị xã, thành phố ven biển gồm: bãi tắm xã Điện Dương - Điện Bàn (BDB), bãi tắm phường Cửa Đại - Hội An (BHA), bãi tắm xã Duy Hải - Duy Xuyên (BDX), bãi tắm Nam Thăng Bình - Thăng Bình (BTB), bãi tắm xã Tam Thanh - Tam Kỳ (BTK) và bãi tắm biển Rạng - Núi Thành (BNT).

3. Tiêu chí 4.3. Tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo (1 điểm)

Theo Báo cáo Kết quả quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam năm 2022 đối với chất lượng nước tại 06 vị trí bãi biển của các địa phương ven biển, kết quả cho thấy nước biển khu vực bãi tắm nhìn chung đạt chất lượng, hầu hết các thông số môi trường đạt theo quy định của QCVN 10-MT:2015/BTNMT. Riêng

đối với thông số Fe vào thời điểm tháng 12/2022 có 02 vị trí lấy mẫu (BĐB và BTK) vượt mức quy định từ 2,44 đến 3,9 lần. Hàm lượng Fe tăng vào thời điểm mùa mưa do điều kiện biến động dòng chảy đường bờ, ảnh hưởng nước mưa làm cuốn trôi nhiều chất phèn (chứa Fe) từ các dải cát vùng ven đò ra biển.

4. Tiêu chí 4.4. Tổ chức định kỳ quan trắc chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo (2 điểm)

Theo Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam năm 2022, trầm tích được quan trắc tần suất 1 lần/năm vào định kỳ tháng 11. Vị trí thu mẫu tại 6 điểm trên các hệ thống hạ lưu sông Thu Bồn (TTB), sông Vĩnh Điện (TVĐ), sông Vu Gia (TVG), hạ lưu sông Trà (TTR), khu vực cảng Kỳ Hà (TKH) và sông Bông Miêu (đoạn cách nhà máy chế biến vàng Bông Miêu khoảng 5km về phía hạ lưu - TBM).

5. Tiêu chí 4.5. Tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo (1 điểm)

Theo Báo cáo Kết quả quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam năm 2022 cho thấy kết quả quan trắc trầm tích tại các sông tại 6 vị trí có các thông số kim loại nặng (As, Cd, Pb, Zn, Hg, Cr tổng và Cu) trong trầm tích đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 43:2012/BTNMT. Riêng tại vị trí sông Bông Miêu có hàm lượng As (vượt 15,05 lần) và Pb (vượt 3,56 lần). Đây là lưu vực sông thường xuyên chịu tác động bởi các thông số kim loại nặng trong nhiều đợt quan trắc, cần lưu ý theo dõi nguồn nước để thường xuyên đánh giá mức độ ô nhiễm các thông số liên quan.

6. Tiêu chí 4.6. Tổ chức định kỳ quan trắc đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo (0 điểm)

Theo Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về phê duyệt Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025, đối tượng quan trắc chủ yếu gồm môi trường nước mặt, nước dưới đất, ven bờ, không khí xung quanh, môi trường đất và trầm tích. Trong năm 2022, chưa tổ chức quan trắc đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo.

7. Tiêu chí 4.7. Tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo (0 điểm)

Hiện nay, chưa thực hiện đánh giá đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo. Tuy nhiên, hiện nay Sở Tài nguyên và Môi trường đang phối hợp thực hiện “*Đề án Nghiên cứu điều tra, đánh giá hiện trạng đất ngập nước, môi trường sinh thái, đa dạng sinh học vùng hạ lưu sông Thu Bồn và sông Trường Giang*” và Sở Khoa học và Công nghệ đang triển khai thực hiện đề tài “*Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để đề xuất thiết lập Khu bảo tồn biển khu vực xã Tam Hải, huyện Núi Thành*” (thực hiện từ năm 2021-2024) theo Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh.

8. Tiêu chí 4.8. Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động hệ thống quan trắc tự động việc xả thải trên biển và hải đảo của các đối tượng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2014 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP

ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu (02 điểm)

Theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, trên địa bàn tỉnh hiện có 01 cơ sở hoạt động ven biển thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động liên tục, đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (gia hạn lần thứ 1) tại Quyết định số 2350/GP-UBND ngày 17/8/2021. Trong năm 2022, đơn vị đã thực hiện báo cáo tình hình thu gom, xử lý nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xả nước thải theo quy định cho các cơ quan quản lý nhà nước.

Để phục vụ công tác theo dõi, giám sát hệ thống quan trắc tự động việc xả nước thải, khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất trên địa bàn tỉnh; Sở Tài nguyên và Môi trường đã triển khai xây dựng và hoàn thành nhiệm vụ “*Xây dựng ứng dụng truyền, nhận, quản lý dữ liệu quan trắc, giám sát tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh và xây dựng cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Nam*”. Theo đó, tính đến thời điểm hiện nay trên địa bàn tỉnh Quảng Nam có 18 trạm quan trắc tự động, liên tục của các chủ nguồn thải (gồm 14 trạm nước thải và 04 trạm khí thải) đã lắp đặt và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường. Có 13 trạm đảm bảo yêu cầu đã được xác nhận; 05 trạm đang hoàn thiện hồ sơ, thiết bị để được xác nhận; cụ thể tại Báo cáo số 791/BC-STNMT ngày 22/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

V. Phòng ngừa, phát hiện, xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển, hải đảo; cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái (30 điểm)

1. Tiêu chí 5.1. Kế hoạch phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo (3 điểm)

Kế hoạch phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo được lồng ghép trong Kế hoạch hành động của tỉnh Quảng Nam về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 và Kế hoạch hành động quản lý tổng hợp vùng bờ tỉnh Quảng Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 16/02/2017; Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch số 229-KH/TU ngày 16/4/2019 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ban hành kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh; Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Nam; Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của UBND tỉnh phê duyệt chiều rộng, ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Nam và Kế hoạch Phòng ngừa, ứng phó sự cố, thảm họa môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 3774/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND tỉnh.

2. Tiêu chí 5.2. Phát hiện, xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo (19 điểm)

a) Tiêu chí thành phần 5.2.1. Phát hiện tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo (8 điểm):

Trên cơ sở Báo cáo Kết quả quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam năm 2022 (quan trắc nước biển ven bờ và trầm tích biển, môi trường đất tại một số địa phương trên địa bàn tỉnh) thì hầu hết các giá trị thông số đều ổn định và dao động trong mức cho phép. Riêng hàm lượng Fe tại một số vị trí lấy mẫu tăng vào các tháng 11, 12, trùng vào các tháng mùa mưa trong năm và đặc điểm của vùng cát ven biển bị nhiễm phen nên quá trình rửa trôi nước mưa chảy tràn đã làm gia tăng hàm lượng Fe trong nước biển.

b) Tiêu chí thành phần 5.2.2. Xây dựng kế hoạch xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo (1 điểm):

Theo kết quả quan trắc chất lượng nước biển ven bờ nói riêng và quan trắc môi trường toàn tỉnh nói chung; trong năm 2022, chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh cơ bản còn khá tốt, chưa bị ô nhiễm.

c) Tiêu chí thành phần 5.2.3. Xử lý, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo (10 điểm).

Theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020; trên địa bàn tỉnh có 07 cơ sở gây ô nhiễm môi trường (ÔNMT) nghiêm trọng thuộc danh mục phê duyệt. Tính đến thời điểm hiện nay, 07/07 cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng thuộc danh mục phê duyệt đã có quyết định đưa ra khỏi danh mục gây ô nhiễm môi trường. Trong năm 2022, không phát sinh cơ sở mới gây ÔNMT nghiêm trọng nào.

3. Tiêu chí 5.3. Cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái (8 điểm)

a) Tiêu chí thành phần 5.3.1. Xây dựng kế hoạch cải thiện, phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái (1 điểm):

Thông qua việc quan trắc định kỳ môi trường hằng năm của tỉnh và kết quả quan trắc của các địa phương cho thấy chất lượng môi trường biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Nam cơ bản còn khá tốt. Các Sở, Ban ngành trên địa bàn tỉnh tiếp tục duy trì triển khai thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ đã đề ra.

b) Tiêu chí thành phần 5.3.2. Thực hiện kế hoạch cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái (7 điểm)

Qua kết quả quan trắc cho thấy hiện trạng môi trường biển và hải đảo tỉnh Quảng Nam cơ bản còn khá tốt. Để tiếp tục duy trì và thực hiện tốt như hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương tổ chức xây dựng, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt *Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025 tại Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 30/9/2022, soạn thảo bộ tài liệu hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng chương trình/đề án phân loại CTRSH tại nguồn trên địa bàn*. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 về Kế hoạch thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” nhằm nâng cao hiệu quả công tác

phân loại, tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, hạn chế việc xả thải rác thải nhựa ra môi trường. Đối với các địa phương, việc thực hiện giảm thiểu sử dụng túi ni lông khó phân hủy đạt hiệu quả rõ nét nhất là thành phố Hội An với nhiều hoạt động¹ phong phú, đa dạng có sức lan tỏa kêu gọi “Chống rác thải nhựa” trong cộng đồng. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương tiếp tục có nhiều hoạt động tích cực để giảm thiểu rác thải nhựa, như: trang bị máy lọc nước, sử dụng ly, cốc, bình thủy tinh, inox, bình nước sử dụng nhiều lần trong các cuộc họp, hội nghị và sinh hoạt tại cơ quan/đơn vị. Các doanh nghiệp trong các KCN không sử dụng hộp cơm xốp, ly nhựa, muỗng nhựa dùng một lần. Một số siêu thị, điểm bán hàng tập trung thì sử dụng túi ni lông đúng kích cỡ, sử dụng túi thân thiện với môi trường, theo dõi số lượng túi ni lông chứa đựng các sản phẩm bán ra,... (Báo cáo số 791/BC-STNMT ngày 22/12/2022 của Sở TN&MT về kết quả công tác năm 2022 và Chương trình công tác năm 2023).

VI. Ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển (10 điểm)

1. Tiêu chí 6.1. Chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường biển (2 điểm)

a) Tiêu chí thành phần 6.1.1 Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển (1 điểm):

Việc xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố, đối với các hoạt động liên quan đến tràn dầu đã được UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, Ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc theo Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Trong năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và địa phương xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tỉnh Quảng Nam và được Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn phê duyệt tại Quyết định số 305/QĐ-UB ngày 21/6/2022. Theo đó, đã xác định Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn tỉnh là cơ quan đầu mối, lãnh đạo, chỉ đạo công tác ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh.

Công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố, thảm họa môi trường trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3774/QĐ-UBND ngày 09/7/2020. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đã được phê duyệt tại Quyết định số 4461/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 và thành lập Ban Chỉ đạo phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 và điều chỉnh thành viên Ban chỉ đạo tại Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh.

Đối với việc kiểm soát ứng phó tai nạn trong vùng nước cảng biển và trên vùng biển tỉnh Quảng Nam: Cảng vụ Hàng hải đã ban hành Kế hoạch số 48/QĐ-CVHHQNa ngày 02/4/2021 về ứng phó tai nạn tàu thuyền trong vùng nước cảng biển Quảng Nam và vùng biển Quảng Nam; Quyết định 90/QĐ-CVHHQNa ngày 23/10/2020 ban hành Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trong vùng nước cảng biển Quảng Nam; Công văn số 57/CVHHQNa-PCTT-ATANHH ngày 27/01/2022 về việc triển khai thực hiện Quyết định số

¹ mô hình không rác thải trong quản lý rác thải Cù Lao Chàm được tài trợ bởi tổ chức Môi trường Thái Bình Dương. Phối hợp, dự án Giảm thiểu rác thải nhựa đại dương từ nguồn tài trợ của IUCN.

12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, gửi đến các đơn vị, doanh nghiệp hoạt động hàng hải tại khu vực để thực hiện.

b) Tiêu chí thành phần 6.1.2. Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển của cơ sở, tổ chức, cá nhân (1 điểm):

Tính đến thời điểm 31/12/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và tham mưu UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt 147/207 Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các đơn vị có hoạt động doanh xăng dầu trên biển, đất liền, các cảng, kho chứa xăng dầu trên địa bàn tỉnh.

2. Tiêu chí 6.2. Phát hiện, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển (7 điểm)

Trong năm 2022, trên địa bàn tỉnh Quảng Nam không xảy ra sự cố môi trường biển (theo Báo cáo số 19/BC-STNMT ngày 10/01/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường).

3. Tiêu chí 6.3. Kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển (1 điểm)

Kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được thực hiện lồng ghép trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ hằng năm của Sở Tài nguyên và Môi trường tại các Quyết định số 758/QĐ-STNMT ngày 21/12/2021, số 788/QĐ-STNMT ngày 27/10/2022. Trong năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện kiểm tra chuyên đề Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tại Công ty TNHH MTV nhiên liệu hàng không Việt Nam. Qua kết quả kiểm tra cho thấy, đơn vị cơ bản thực hiện theo đúng theo hướng dẫn tại Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

VII. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo (7 điểm)

1. Tiêu chí 7.1. Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo (1 điểm)

Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 về kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 trên địa bàn tỉnh và Kế hoạch số 3200/KH-UBND ngày 20/5/2022 triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới (05/6) và Tháng hành động vì môi trường năm 2022.

Ngoài ra, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 1021/STMT-N ngày 10/5/2022 về việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam và Ngày Đại dương thế giới năm 2022; đồng thời, xây dựng Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2022 tại Kế hoạch số 321/KH-STNMT ngày 16/02/2022. Qua đó, tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức trên nhiều lĩnh vực như đất đai, bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên biển và hải đảo... thông qua nhiều hình thức và nội dung truyền thông. Trong năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở, Ban, ngành tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 390/KH-UBND ngày 18/01/2023 về triển khai Chương trình truyền thông về biển và đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2. Tiêu chí 7.2. Kết quả thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo (5 điểm)

Thực hiện Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện:

- Tổ chức 03 lớp tập huấn phổ biến Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản dưới Luật cho các Sở, Ban, ngành liên quan thuộc tỉnh, các đơn vị quản lý hạ tầng các Khu, Cụm công nghiệp, Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức triển khai Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu cho cán bộ, công chức các Phòng Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh.

- In và treo băng rôn, tuyên truyền hưởng ứng Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, Ngày Đại dương thế giới năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

3. Tiêu chí 7.3. Hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường biển và hải đảo (2 điểm)

Trong năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã triển khai phổ biến giáo dục pháp luật đa dạng, phong phú với các hình thức triển khai như: tổ chức lớp truyền thông, treo băng rôn, truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng; đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật tại trang Website của Sở. Kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Báo cáo số 685/BC-STNMT ngày 14/11/2022.

VIII. Tranh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, giải quyết khiếu nại tố cáo (10 điểm)

1. Tiêu chí 8.1. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (7 điểm)

a) Tiêu chí thành phần 8.1.1. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (1 điểm):

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đã phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2022 tại Quyết định số 758/QĐ-STNMT ngày 21/12/2021 và Quyết định số 788/QĐ-STNMT ngày 27/10/2022.

b) Tiêu chí thành phần 8.1.2. Thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (2 điểm):

Trong năm 2022, Sở đã triển khai 51 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 84 đơn vị (trong đó kiểm tra 01 đơn vị kiểm tra chấp hành pháp luật về biển và hải đảo). Tất cả các cuộc thanh tra, kiểm tra đều được thực hiện đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, thời hạn tiến hành cuộc thanh tra và báo cáo cụ thể về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022 tại Báo cáo số 710/BC-STNMT ngày 23/11/2022.

c) Tiêu chí thành phần 8.1.3. Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo qua thanh tra, kiểm tra (3 điểm) và Tiêu chí thành phần 8.1.4. Kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra (1 điểm)

Đối với đơn vị được thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thì cơ bản chấp hành đúng quy định pháp luật về tài nguyên môi trường biển và hải đảo nên không tiến hành xử lý vi phạm hành chính (theo Báo cáo số 710/BC-STNMT ngày 23/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường).

2. Tiêu chí 8.2. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (3 điểm)

Trong năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện tốt công tác quản lý tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; thời gian qua không tiếp nhận đơn khiếu nại, tố cáo về tài nguyên và môi trường biển, hải đảo (Báo cáo số 710/BC-STNMT ngày 23/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường).

Phụ lục I
BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT
Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số #sovb /QĐ-UBND ngày #nbh tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Nội dung	Tổng điểm tối đa	Tổng điểm tự đánh giá	Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	Xếp loại kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo
1	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	8	6	75%	Khá
2	Rà soát, hệ thống hóa; theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	8	8	100%	Tốt
3	Điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo	12	10	83,3%	Khá
4	Định kỳ quan trắc và đánh giá hiện trạng chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	12	9	75%	Khá

TT	Nội dung	Tổng điểm tối đa	Tổng điểm tự đánh giá	Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	Xếp loại kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo
5	Phòng ngừa, phát hiện, xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển, hải đảo; cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển, hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	30	30	100%	Tốt
6	Ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển	12	10	83,3%	Khá
7	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	8	8	100%	Tốt
8	Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, giải quyết khiếu nại tố cáo	10	10	100%	Tốt
Chỉ số đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo		100	91	91%	Tốt

Phụ lục II
BỘ CHỈ SỐ, NỘI DUNG, TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

(Kèm theo Quyết định số: #sovb /QĐ-UBND ngày #nbh tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Nội dung (ND)/ Tiêu chí (TC)/ Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO	8	6	75%	Khá
TC 1.1	Công tác ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	5	3		
TCTP 1.1.1	Xây dựng, kế hoạch, nhiệm vụ chi tiết các nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	1	1		
-	Có kế hoạch, nhiệm vụ chi tiết các nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo hoặc có chi tiết các nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo được lồng ghép trong kế hoạch, nhiệm vụ của năm	1	1		
-	Không có Kế hoạch, nhiệm vụ chi tiết các nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo hoặc có chi tiết các nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo được lồng ghép trong kế hoạch, nhiệm vụ của năm	0			
TCTP 1.1.2	Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo theo kế hoạch, nhiệm vụ của năm	4			
-	Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt từ 80% đến 100% nhiệm vụ trong kế hoạch nhiệm vụ của năm	4			
-	Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% nhiệm vụ trong kế hoạch nhiệm vụ của năm	2	2		
-	Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt từ 30% đến dưới 50% nhiệm vụ trong kế hoạch nhiệm vụ của năm	1			
-	Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt từ dưới 30% nhiệm vụ trong kế hoạch nhiệm vụ của năm	0			

TC 1.2	Đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	3	3		
TCTP 1.2.1	Tổ chức đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	2	2		
-	Có thực hiện đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	2			
-	Không thực hiện đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	0			
TCTP 1.2.2	Giải pháp khắc phục tồn tại yếu kém	1	1		
-	Có giải pháp khắc phục tồn tại yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	1			
-	Không có giải pháp khắc phục tồn tại yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	0			
ND 2	RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA, THEO DÕI, KIỂM TRA TÌNH HÌNH THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO	8	8	100%	Tốt
TC 2.1	Rà soát, hệ thống văn hóa; theo dõi kiểm tra tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	2	2		
-	Có rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	2	2		
-	Không thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	0			
TC 2.2	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	3	3		
-	Không xử lý do không phát hiện bất cập, chồng chéo qua rà soát, hệ thống hóa và không có kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân	3	3		
-	Đã xử lý đạt từ 80 % đến 100% các phát hiện chồng chéo, bất cập qua rà soát, hệ thống hóa hoặc theo kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân	3			
-	Đã xử lý đạt từ 50 % đến dưới 80% các phát hiện chồng chéo, bất cập qua rà soát, hệ thống hóa hoặc theo kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân	2			

-	Đã xử lý đạt dưới 50 % các phát hiện chồng chéo, bất cập qua rà soát, hệ thống hóa hoặc theo kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân	0			
TC 2.3	Theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	3	3		
-	Đã thực hiện theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo và đã xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý khi chưa phát hiện các trường hợp vi phạm	3	3		
-	Không thực hiện theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	0			
ND 3	ĐIỀU TRA, THỐNG KÊ, PHÂN LOẠI, ĐÁNH GIÁ CÁC NGUỒN THẢI TỪ ĐẤT LIỀN, TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO; TÌNH TRẠNG Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO	12	10	83,3%	Khá
TC 3.1	Điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo; tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	8	6		
TCTP 3.1.1	Xây dựng kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý.	1	1		
-	Có xây dựng kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý.	1	1		
-	Không có xây dựng kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý.	0			
TCTP 3.1.2	Tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý	6	4		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 80 đến 100% kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý	6			
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý	4	4		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 30 % đến dưới 50% kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các	2			

	nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý				
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 30% kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý	0			
TCTP 3.1.3	Báo cáo kết quả điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo	1	1		
-	Có báo cáo kết quả điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo	1	1		
-	Không có báo cáo kết quả điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo	0			
TC 3.2	Đánh giá tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	4	4		
TCTP 3.2.1	Đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường biển và hải đảo do các hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý	3	3		
-	Đã đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường biển và hải đảo do các hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý	3			
-	Chưa đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường biển và hải đảo do các hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý	0			
TCTP 3.2.2	Đề xuất, kiến nghị các giải pháp làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	1	1		
-	Có đề xuất, kiến nghị các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường biển và hải đảo do các hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý gây ra	1			
-	Chưa có xuất, kiến nghị các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường biển và hải đảo do các hoạt động thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý gây ra	0			
ND 4	ĐÌNH KÝ, QUAN TRẮC VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CHẤT LƯỢNG NƯỚC, TRẦM TÍCH VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC CỦA CÁC KHU VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO	12	9	75%	Khá
TC 4.1	Xây dựng chương trình định kỳ quan trắc và đánh giá hiện trạng chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	1	1		
-	Xây dựng chương trình định kỳ quan trắc chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	1	1		

-	Không có chương trình định kỳ quan trắc chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	0			
TC 4.2	Tổ chức định kỳ quan trắc chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	2	2		
-	Tổ chức thực hiện từ 80% đến 100% chương trình quan trắc chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	2	2		
-	Tổ chức thực hiện từ 50% đến dưới 80% chương trình quan trắc chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	1,5			
-	Tổ chức thực hiện từ 30% đến dưới 50% chương trình quan trắc chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	1			
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 30% chương trình quan trắc chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	0			
TC 4.3	Tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	1	1		
-	Có tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	1			
-	Không tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	0			
TC 4.4	Tổ chức định kỳ quan trắc chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	2	2		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 80% đến 100% chương trình quan trắc chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	2	2		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% chương trình quan trắc chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	1,5			
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 30% đến dưới 50% chương trình quan trắc chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	1			
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 30% chương trình quan trắc chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	0			
TC 4.5	Tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	1	1		
-	Có tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	1	1		
-	Không tổ chức đánh giá hiện trạng chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	0			

TC 4.6	Tổ chức định kỳ quan trắc đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	2	0		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 80% đến 100% chương trình quan trắc đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	2			
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% chương trình quan trắc đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	1,5			
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 30% đến dưới 50% chương trình quan trắc đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	1			
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 30% chương trình quan trắc đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	0	0		
TC 4.7	Tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	1	0		
-	Có tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	1			
-	Không tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	0	0		
TC 4.8	Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động hệ thống quan trắc tự động việc xả thải trên biển và hải đảo của các đối tượng theo quy định của Luật bảo vệ môi trường 2014 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu	2	2		
-	Kiểm tra, đánh giá hoạt động hệ thống quan trắc tự động việc xả thải trên biển và hải đảo từ 80% đến 100% các đối tượng theo quy định của Luật bảo vệ môi trường 2014 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu	2	2		
-	Kiểm tra, đánh giá hoạt động hệ thống quan trắc tự động việc xả thải trên biển và hải đảo từ 50% đến dưới 80% các đối tượng theo quy định của Luật bảo vệ môi trường 2014 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu	1,5			
-	Kiểm tra, đánh giá hoạt động hệ thống quan trắc tự động việc xả thải trên biển và hải đảo từ 30% đến dưới 50% các đối tượng theo quy định của Luật bảo vệ môi trường 2014 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu	1			

-	Kiểm tra, đánh giá hoạt động hệ thống quan trắc tự động việc xả thải trên biển và hải đảo đến dưới 30% các đối tượng theo quy định của Luật bảo vệ môi trường 2014 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu	0			
ND 5	PHÒNG NGỪA, PHÁT HIỆN, XỬ LÝ, KHẮC PHỤC TÌNH TRẠNG Ô NHIỄM VÀ SUY THOÁI MÔI TRƯỜNG, CÁC HỆ SINH THÁI BIỂN, HẢI ĐẢO; CẢI THIỆN VÀ PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, CÁC HỆ SINH THÁI BIỂN VÀ HẢI ĐẢO BỊ Ô NHIỄM VÀ SUY THOÁI	30	30	100%	Tốt
TC 5.1	Kế hoạch phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	3	3		
-	Có kế hoạch phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	3	3		
-	Không có kế hoạch phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	0			
TC 5.2	Phát hiện, xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	19	19		
TCTP 5.2.1	Phát hiện tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	8	8		
-	Hàng năm đã rà soát, xác định tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái từ 80% đến 100% các khu vực biển và hải đảo thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý	8	8		
-	Hàng năm đã rà soát, xác định tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái từ 50% đến dưới 80% các khu vực biển và hải đảo thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý	6			
-	Hàng năm đã rà soát, xác định tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái từ 30% đến dưới 50% các khu vực biển và hải đảo thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý	4			
-	Hàng năm đã rà soát, xác định tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái từ dưới 30% các khu vực biển và hải đảo thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý	0			
TCTP 5.2.2	Xây dựng kế hoạch xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	1	1		
-	Có kế hoạch xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo đã được phát hiện	1	1		
-	Không có kế hoạch xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo đã được phát hiện	0			
TCTP	Xử lý, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	10	10		

5.2.3					
-	Đã xử lý, khắc phục từ 80% đến 100% tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo theo kế hoạch	10			
-	Đã xử lý, khắc phục đạt từ 50% đến dưới 80% tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo theo kế hoạch	5			
-	Đã xử lý, khắc phục đạt dưới 50% tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo theo kế hoạch	0			
TC 5.3	Cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	8	8		
TCTP 5.3.1	Xây dựng kế hoạch cải thiện, phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	1	1		
-	Có kế hoạch xây dựng kế hoạch cải thiện, phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	1	1		
-	Không có kế hoạch cải thiện, phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	0			
TCTP 5.3.2	Thực hiện kế hoạch cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	7	7		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 80% đến 100% kế hoạch cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	7	7		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% kế hoạch cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	4			
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 50% kế hoạch cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	0			
ND 6	ỨNG PHÓ, KHẮC PHỤC SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG BIỂN	12	10	83,3%	Khá
TC 6.1	Chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường biển	3	2		
TCTP 6.1.1	Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường	1	1		
-	Đã có kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển theo quy định của pháp luật	1	1		
-	Không có kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển theo quy định của pháp luật	0			

TCTP 6.1.2	Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển của cơ sở, tổ chức, cá nhân	2	1		
-	Từ 80% đến 100% cơ sở có kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển được phê duyệt theo thẩm quyền	2			
-	Từ 50% đến dưới 80% cơ sở có kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển được phê duyệt theo thẩm quyền	1	1		
-	Dưới 50% cơ sở có kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển được phê duyệt theo thẩm quyền	0			
TC 6.2	Phát hiện, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển	7	7		
TCTP 6.2.1	Phát hiện sự cố môi trường biển	1			
-	Đã phát hiện kịp thời sự cố môi trường biển	1			
-	Không phát hiện kịp thời sự cố môi trường biển	0			
TCTP 6.2.2	Ứng phó sự cố môi trường biển	3			
-	Đã kịp thời thực hiện ứng phó các sự cố xảy ra thuộc phạm vi quản lý hoặc tham gia ứng phó các sự cố môi trường biển theo sự huy động của cơ quan có thẩm quyền	3			
-	Không kịp thời thực hiện ứng phó các sự cố xảy ra thuộc phạm vi quản lý hoặc tham gia ứng phó các sự cố môi trường biển theo sự huy động của cơ quan có thẩm quyền	0			
TCTP 6.2.3	Khắc phục khi xảy ra sự cố môi trường biển	3			
-	Đã kịp thời tổ chức thực hiện hoặc tham gia khắc phục sự cố môi trường biển theo quy định của pháp luật	3			
-	Không kịp thời tổ chức thực hiện hoặc tham gia khắc phục sự cố môi trường biển theo quy định của pháp luật	0			
TC 6.3	Kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển	2	1		
-	Kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển từ 80% đến 100% các đối tượng phải lập kế hoạch	2			
-	Kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển từ 50% đến dưới 80% các đối tượng phải lập kế hoạch	1	1		

-	Kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển được dưới 50% các đối tượng phải lập kế hoạch	0			
ND 7	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC NÂNG CAO NHẬN THỨC PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO	8	8	100%	Tốt
TC 7.1	Kế hoạch truyền truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	1	1		
-	Có kế hoạch hoặc nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo lồng ghép trong kế hoạch truyền truyền, phổ biến, giáo dục thuộc lĩnh vực, chuyên ngành của cơ quan	1	1		
-	Không có kế hoạch hoặc nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo lồng ghép trong kế hoạch truyền truyền, phổ biến, giáo dục thuộc lĩnh vực, chuyên ngành của cơ quan	0			
TC 7.2	Kết quả thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	5	5		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 80% đến 100% kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	5	5		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	4			
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 30% đến dưới 50% kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	2			
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 30% kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	0			
TC 7.3	Hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	2	2		
-	Hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục đa dạng phong phú	2	2		
-	Không có nhiều hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục đa dạng, phong phú	0			
ND 8	THANH TRA, KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỔ CÁO	10	10	100%	Tốt
TC 8.1	Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	7	7		

TCTP 8.1.1	Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	1	1		
-	Có kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	1	1		
-	Không có kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	0			
TCTP 8.1.2	Thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	2	2		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 80 % đến 100% kế hoạch	2	2		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 50 % đến dưới 80% kế hoạch	1			
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 50% kế hoạch	0			
TCTP 8.1.3	Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo qua thanh tra, kiểm tra	3	3		
-	Đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý đạt 100% các hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	3	3		
-	Đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý đạt từ 80% đến dưới 100% các hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	2			
-	Đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý đạt từ 50% đến dưới 80% các hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	1			
-	Đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý đạt từ dưới 100% các hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	0			
TCTP 8.1.4	Kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra	1	1		
-	Đã tổ chức kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra đối với các đối tượng vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	1	1		
-	Không tổ chức kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra đối với các đối tượng vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	0			

TC 8.2	Giải quyết khiếu nại, tố cáo về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	3	3		
-	Đã giải quyết được 100% số vụ việc khiếu nại, tố cáo về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo thẩm quyền, đúng trình tự quy định của pháp luật	3	3		
-	Đã giải quyết được từ 80% đến dưới 100% số vụ việc khiếu nại, tố cáo về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo thẩm quyền, đúng trình tự quy định của pháp luật	2			
-	Đã giải quyết được từ 50% đến dưới 80% số vụ việc khiếu nại, tố cáo về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo thẩm quyền, đúng trình tự quy định của pháp luật	1			
-	Đã giải quyết được dưới 50% số vụ việc khiếu nại, tố cáo về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo thẩm quyền, đúng trình tự quy định của pháp luật	0			

Phụ lục III
DANH MỤC TÀI LIỆU KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC ĐỐI VỚI CÁC NỘI DUNG
KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

*(Kèm theo Quyết định số #sovb /QĐ-UBND ngày #nbh tháng 3 năm 2023 của
UBND tỉnh Quảng Nam)*

TT	Tên văn bản	Tiêu chí được chứng minh
1	Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam về Quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030	Tiêu chí 1.1.1
2	Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 16/02/2017 của UBND tỉnh Phê duyệt Kế hoạch hành động quản lý tổng hợp vùng bờ tỉnh Quảng Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Tiêu chí 1.1.1
3	Quyết định số 74/QĐ-STNMT ngày 24/01/2022 của Sở TN&MT về Ban hành Chương trình công tác của Sở TN&MT năm 2022	Tiêu chí 1.1.1
4	Báo cáo số 750/BC-STNMT ngày 08/12/2022 của Sở TN&MT về công tác quản lý môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2017-2022	Tiêu chí 1.1.2; 3.1.2
5	Báo cáo số 20/BC-STNMT ngày 10/01/2023 của Sở TN&MT về tình hình quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo năm 2022	Tiêu chí 1.1.2
6	Báo cáo số 689/BC-STNMT ngày 16/11/2022 của Sở TN&MT về Kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành năm 2022 và chương trình công tác năm 2023	Tiêu chí 1.2.1; 1.2.2; 5.2
7	Báo cáo số 326/BC-STNMT ngày 02/6/2022 của Sở TN&MT về kết quả thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của BCH TW Đảng khóa XII trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Trong đó, đưa ra các hạn chế và nguyên nhân để từ đó đề ra giải pháp khắc phục thông qua việc xây dựng các nội dung nhiệm vụ trọng tâm năm 2023	Tiêu chí 1.2.1; 1.2.2
8	Kế hoạch số 354/KH-STNMT ngày 18/02/2022 của Sở TN&MT về công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2022	Tiêu chí 2.1
9	Báo cáo số 714/BC-STNMT ngày 24/11/2022 của Sở TN&MT về công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở TN&MT năm 2022	Tiêu chí 2.1; 2.2
10	Kế hoạch số 285/KH-STNMT ngày 14/02/2022 của Sở TN&MT về triển khai công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022	Tiêu chí 2.3
11	Báo cáo số 710/BC-STNMT ngày 23/11/2022 của Sở TN&MT về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022	Tiêu chí 2.3
12	Công văn số 1862/STNMT-N ngày 10/8/2022 của Sở TN&MT về việc tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường biển	Tiêu chí 3.1

TT	Tên văn bản	Tiêu chí được chứng minh
13	Quyết định số 2961/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của UBND tỉnh phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông là nguồn nước nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Tiêu chí 3.1.
14	Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025	Tiêu chí 3.2; 4.1; 4.6
15	Báo cáo kết quả quan trắc môi trường năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Tiêu chí 3.2; 4.3; 4.2; 4.4; 4.5; 5.2.1
16	Báo cáo số 27/BC-UBND ngày 08/02/2023 của UBND huyện Núi Thành báo cáo đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo năm 2022; Báo cáo số 396/BC-STNMT ngày 12/12/2022 của UBND huyện Núi Thành về công tác bảo vệ môi trường huyện năm 2022; Kế hoạch số 01/KH-TNMT ngày 05/01/2022 về lấy mẫu phân tích phục vụ báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022	Tiêu chí 3.2; 4.1
17	Quyết định số 3957/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam năm 2025	Tiêu chí 4.2
18	Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 2019, đợt 1.	Tiêu chí 4.7
19	Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (Gia hạn lần thứ 1) số 2350/GP-UBND ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam	Tiêu chí 4.8
20	Quyết định số 3774/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố, thảm họa môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Tiêu chí 5.1.
21	Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2024	Tiêu chí 3.1.2; 5.3.1;
22	Báo cáo số 791/BC-STNMT ngày 22/12/2022 của Sở TN&MT về kết quả công tác năm 2022 và Chương trình công tác năm 2023	Tiêu chí 5.3.2; 5.3.1
23	Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của BCH TW Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Tiêu chí 5.1
24	Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của UBND tỉnh Phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Nam	Tiêu chí 5.1
25	Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 04/02/2023 của UBND tỉnh Phê duyệt chiều rộng, ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Nam	Tiêu chí 5.1
26	Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh	Tiêu chí

TT	Tên văn bản	Tiêu chí được chứng minh
		6.1.1.
27	Công văn số 569/UBND-KTN ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Tiêu chí 6.1.1.
28	Quyết định số 305/QĐ-UB ngày 21/6/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của tỉnh Quảng Nam	Tiêu chí 6.1.1.
29	Quyết định số 4461/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch Phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Tiêu chí 6.1.1
30	Báo cáo số 19/BC-STNMT ngày 10/01/2023 của Sở TN&MT số liệu thống kê ngành tài nguyên và môi trường năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Tiêu chí 6.2
31	Quyết định số 758/QĐ-STNMT ngày 21/12/2021 phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2022; Quyết định số 788/QĐ-STNMT ngày 27/10/2022 của Sở TN&MT điều chỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2022	Tiêu chí 6.3; 8.1.1
32	Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh về kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 trên địa bàn tỉnh	Tiêu chí 7.1
33	Kế hoạch số 321/KH-STNMT ngày 16/02/2022 của Sở TN&MT về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2022	Tiêu chí 7.1
34	Kế hoạch số 390/KH-UBND ngày 18/01/2023 của UBND tỉnh về triển khai Chương trình truyền thông về biển và đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Tiêu chí 7.1
35	Công văn số 1021/STNMT-N ngày 10/5/2022 của Sở TN&MT về việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Biển và Hải đảo	Tiêu chí 7.1
36	Kế hoạch số 3200/KH-UBND ngày 20/5/2022 của UBND tỉnh triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới (05/6) và Tháng hành động vì môi trường năm 2022	Tiêu chí 7.1
37	Báo cáo số 685/BC-STNMT ngày 14/11/2022 của Sở TN&MT về Kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2022	Tiêu chí 7.2; 7.3
38	Báo cáo số 395/BC-STNMT ngày 28/6/2022 của Sở TN&MT kết quả tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam và Ngày Đại dương thế giới năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Tiêu chí 7.2
39	Báo cáo số 710/BC-STNMT ngày 23/11/2022 của Sở TN&MT về công tác theo dõi tình hình thu hành pháp luật năm 2022.	Tiêu chí 8.1.2; 8.1.3; 8.1.4; 8.2